

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian là 7 năm, theo mức ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Khoản đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính được hạch toán như khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán riêng. Khoản tiền lãi trong khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê theo lãi suất cố định trên giá trị đầu tư thuần hiện có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê (tiếp theo)

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Quyền sử dụng đất	48 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	19.840.002	21.792.398
Tiền gửi ngân hàng	12.830.244.603	17.563.347.573
TỔNG CỘNG	<u>12.850.084.605</u>	<u>17.585.139.971</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ các bên khác	54.804.997.818	66.615.481.177
- Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam	13.705.476.520	12.326.527.963
- Công ty TNHH Sơn Akzonobel Việt Nam	7.394.173.777	13.855.824.286
- Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng MASAN	3.652.392.977	7.162.185.032
- Công ty Cổ phần Overseas Fashions	3.568.224.562	-
- Công ty TNHH Perfetti Van Melle (Việt Nam)	3.444.448.061	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	23.040.281.921	33.270.943.896
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	50.021.342.552	34.831.331.326
TỔNG CỘNG	<u>104.826.340.370</u>	<u>101.446.812.503</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(330.716.881)	(339.766.881)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước ngắn hạn cho người bán	310.415.200	2.379.351.800
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	14.630.915.000	-
TỔNG CỘNG	14.941.330.200	2.379.351.800
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(221.065.000)	(221.065.000)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Doanh thu vận tải chờ xuất hóa đơn	16.114.952.314	-	17.951.774.668	-
Tạm ứng cho nhân viên	4.001.022.583	(301.486.404)	5.320.163.293	(301.486.404)
Phải thu tạm ứng giải phóng mặt bằng cho Ban Quản lý Cụm Công nghiệp Quất Động	464.958.000	(464.958.000)	464.958.000	(464.958.000)
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	137.750.000	-	295.750.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.220.571.509	(42.445.610)	909.168.554	(42.445.610)
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	906.587.462	-	16.512.964.283	-
TỔNG CỘNG	24.845.841.868	(808.890.014)	41.454.778.798	(808.890.014)
Dài hạn				
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	1.380.000.000	-	1.380.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	146.215.000	-	217.527.500	-
TỔNG CỘNG	1.526.215.000	-	1.597.527.500	-

Công ty Cổ phần Vinafco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	66.196.883.877	11.898.942.925	63.042.449.981	1.453.562.901	142.591.839.684
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.058.068.026	549.700.818	-	-	1.607.768.844
- Mua trong năm	-	-	181.818.182	2.119.500.000	2.301.318.182
- Phân loại lại và điều chỉnh (*)	(1.354.920.758)	1.380.388.706	-	-	25.467.948
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(467.808.072)	(30.410.000)	(498.218.072)
Số cuối năm	65.900.031.145	13.829.032.449	62.756.460.091	3.542.652.901	146.028.176.586
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	410.893.280	-	18.683.291.684	1.045.976.277	20.140.161.241
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	1.832.958.229	2.207.522.820	20.140.119.833	1.082.672.547	25.263.273.429
- Khấu hao trong năm	4.007.404.721	3.423.384.833	7.131.167.062	124.060.339	14.686.016.955
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(467.808.072)	(30.410.000)	(498.218.072)
Số cuối năm	5.840.362.950	5.630.907.653	26.803.478.823	1.176.322.886	39.451.072.312
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	64.363.925.648	9.691.420.105	42.902.330.148	370.890.354	117.328.566.255
Số cuối năm	60.059.668.195	8.198.124.796	35.952.981.268	2.366.330.015	106.577.104.274

(*) Đây là các khoản điều chỉnh giá trị tài sản sau quyết toán liên quan đến tài sản cố định thuộc dự án kho Thanh Trì giai đoạn II, theo Quyết định số 43/QĐ-TGD ngày 29 tháng 4 năm 2017 trên cơ sở nghiệm thu, quyết toán dự án với các nhà thầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Phương tiện vận tải

Nguyên giá:

Số đầu năm 6.445.709.005
- Tắt toán hợp đồng thuê tài chính (*) (6.445.709.005)

Số cuối năm -

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm 4.143.670.182
- Khấu hao trong năm 306.938.532
- Tắt toán hợp đồng thuê tài chính (*) (4.450.608.714)

Số cuối năm -

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 2.302.038.823

Số cuối năm -

(*) Tài sản cố định thuê tài chính là một số xe nâng mà Công ty đi thuê theo Hợp đồng thuê tài chính số 148/2011/TSC-CTTC ngày 3 tháng 10 năm 2011 và Văn bản điều chỉnh số 02 ngày 28 tháng 7 năm 2012 với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Theo Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 9 tháng 3 năm 2017 và Biên bản thanh lý hợp đồng cho thuê tài chính ngày 10 tháng 3 năm 2017, Công ty đã chấm dứt hợp đồng thuê tài chính trước thời hạn và thực hiện quyền mua lại các tài sản trên. Sau đó, vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, Công ty đã thanh lý các tài sản trên và chuyển giao cho Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco, công ty con của Công ty.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	43.454.310.744	4.016.301.380	47.470.612.124
- Mua trong năm	-	63.000.000	63.000.000
Số cuối năm	<u>43.454.310.744</u>	<u>4.079.301.380</u>	<u>47.533.612.124</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	-	3.884.551.380	3.884.551.380
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	5.022.739.924	2.700.804.182	7.723.544.106
- Hao mòn trong năm	<u>913.225.436</u>	<u>1.322.497.205</u>	<u>2.235.722.641</u>
Số cuối năm	<u>5.935.965.360</u>	<u>4.023.301.387</u>	<u>9.959.266.747</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>38.431.570.820</u>	<u>1.315.497.198</u>	<u>39.747.068.018</u>
Số cuối năm	<u>37.518.345.384</u>	<u>55.999.993</u>	<u>37.574.345.377</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án bến xe tải và dịch vụ công cộng Trâu Quỳ	15.792.350.544	15.563.457.996
Dự án Kho Thanh Trì Giai đoạn II	-	1.925.126.367
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	3.174.687.272	4.101.743.618
TỔNG CỘNG	<u>18.967.037.816</u>	<u>21.590.327.981</u>

Công ty Cổ phần Vinafco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (*)	Giá trị	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (*)	
Đầu tư vào công ty con	240.180.000.000	(17.686.398.431)	222.493.601.569	247.601.750.000	(7.874.398.499)	239.727.351.501	
Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Đà Nẵng	48.000.000.000	(2.735.239.599)	45.264.760.401	48.000.000.000	(3.390.153.764)	44.609.846.236	
Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Bình Dương	45.000.000.000	-	45.000.000.000	45.000.000.000	-	45.000.000.000	
Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Hậu Giang	42.000.000.000	(14.951.158.832)	27.048.841.168	42.000.000.000	(4.484.244.735)	37.515.755.265	
Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ	30.180.000.000	-	30.180.000.000	37.601.750.000	-	37.601.750.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinafco	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	
Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco	25.000.000.000	-	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000	
Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000	
Đầu tư vào công ty liên doanh	15.823.917.742	(1.413.626.403)	14.410.291.339	15.823.917.742	(1.161.773.479)	14.662.144.263	
Công ty TNHH Logistics HTNS - Vinafco	15.823.917.742	(1.413.626.403)	14.410.291.339	15.823.917.742	(1.161.773.479)	14.662.144.263	
TỔNG CỘNG	256.003.917.742	(19.100.024.834)	236.903.892.908	263.425.667.742	(9.036.171.978)	254.389.495.764	

(*) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công ty con và công ty liên doanh này do cổ phiếu của các công ty này chưa được giao dịch trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào các công ty con

	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Hậu Giang	100	100
Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ	70	94,74
Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco	100	100
Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco	100	100
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinafco	66,15	66,15
Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Bình Dương	100	100
Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Đà Nẵng	100	100

11.2 Đầu tư vào công ty liên doanh

	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Logistics HTNS - Vinafco	49,90	49,90

Hợp đồng liên doanh ký vào tháng 11 năm 2015 giữa Công ty TNHH HANARO TNS Việt Nam và Công ty và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh Doanh số 2300933480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 16 tháng 3 năm 2016. Công ty liên doanh này có trụ sở chính tại Lô CN3, Khu Công nghiệp Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính được đăng ký của công ty liên doanh này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Công ty đã góp đủ vốn vào công ty liên doanh này và số vốn góp này không được phép chuyển nhượng trong vòng 2 năm kể từ thời điểm góp vốn (năm 2016), theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	664.845.665	570.264.086
Phí bảo hiểm trả trước	185.838.357	332.293.970
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	723.987.068	687.945.530
TỔNG CỘNG	1.574.671.090	1.590.503.586
Dài hạn		
Chi phí cải tạo văn phòng và khuôn viên	1.548.852.126	1.521.851.985
Công cụ, dụng cụ	1.005.073.931	913.948.731
Chi phí thuê đất trả trước	2.237.999.988	2.794.429.992
Chi phí dự án tư vấn chiến lược chuỗi cung ứng giai đoạn 2017-2022	4.143.454.721	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	644.345.458	173.749.695
TỔNG CỘNG	9.579.726.224	5.403.980.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán	30.250.915.743	30.250.915.743	29.557.685.562	29.557.685.562
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hoàng Trúc	5.302.347.720	5.302.347.720	5.171.258.913	5.171.258.913
- Công ty TNHH Hoàng Tường	4.076.254.487	4.076.254.487	-	-
- Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
- Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Vận tải Hoàng Sơn Long	1.615.267.177	1.615.267.177	3.151.630.870	3.151.630.870
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Tuyển Nam	-	-	3.152.136.761	3.152.136.761
- Phải trả đối tượng khác	16.757.046.359	16.757.046.359	18.082.659.018	18.082.659.018
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	37.701.443.330	37.701.443.330	49.302.360.070	49.302.360.070
TỔNG CỘNG	67.952.359.073	67.952.359.073	78.860.045.632	78.860.045.632

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phát sinh trong năm</i>	<i>Số cần trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	5.814.659.615	40.027.851.953	(40.746.835.765)	5.095.675.803
TỔNG CỘNG	5.814.659.615	40.027.851.953	(40.746.835.765)	5.095.675.803
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	294.403.789	43.312.843.843	(43.327.313.517)	279.934.115
Thuế thu nhập cá nhân	228.849.707	1.232.472.103	(1.280.989.602)	180.332.208
Các loại thuế khác	279.234.000	1.444.028.716	(1.723.262.716)	-
TỔNG CỘNG	802.487.496	45.989.344.662	(46.331.565.835)	460.266.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí vận chuyển	4.084.328.712	5.365.702.538
Chi phí lãi vay	143.589.321	161.194.633
Chi phí xây dựng	112.727.274	11.581.923.448
Khác	327.305.960	127.918.111
TỔNG CỘNG	<u>4.667.951.267</u>	<u>17.236.738.730</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>2.976.965.537</i>	<i>4.200.047.673</i>
<i>Chi phí phải trả khác</i>	<i>1.690.985.730</i>	<i>13.036.691.057</i>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	617.777.193	584.377.405
Phải trả cổ tức	624.978.770	647.992.370
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.000.000	908.211.835
Các khoản phải trả, phải nộp khác	810.174.713	527.479.321
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	3.127.722.592	5.568.893.940
TỔNG CỘNG	<u>5.189.653.268</u>	<u>8.236.954.871</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.900.519.942	3.748.519.942
TỔNG CỘNG	<u>3.900.519.942</u>	<u>3.748.519.942</u>